FireAnt

CTCP Thủy điện Quế Phong (UPCOM: QPH)

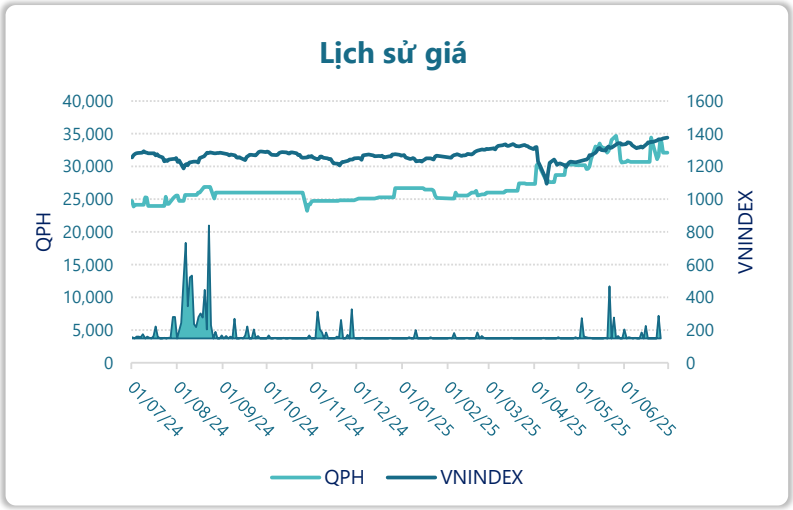

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**32,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,690
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,216
SL cổ phiếu LH	18,583,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	435
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	597
P/E	7.9
EPS	4,083

DT thuần

Q2/25

33.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 11.5| 51.8%

YoY: ▲ 9.70| 40.4%

LN sau thuế

Q2/25

20.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.70| 38.4%

YoY: ▲ 4.20| 25.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

80.5%

DT thuần

6T 2025

55.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.30| 15.0%

LN sau thuế

6T 2025

35.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.70| 4.9%

ROE

Q2/25

16.8%

+/- YoY: ▲ 0.5%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

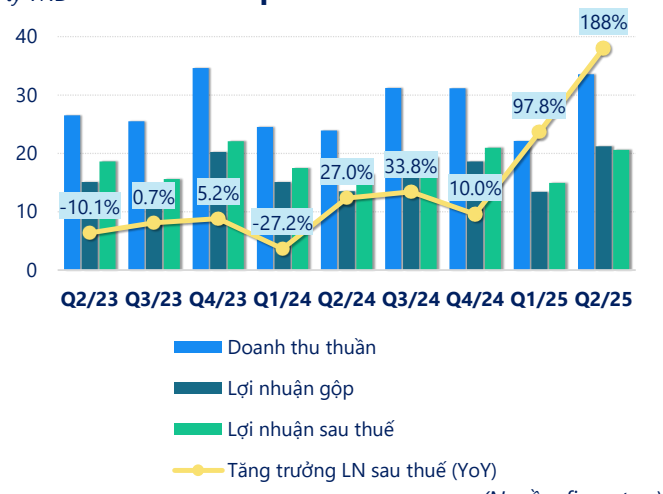

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

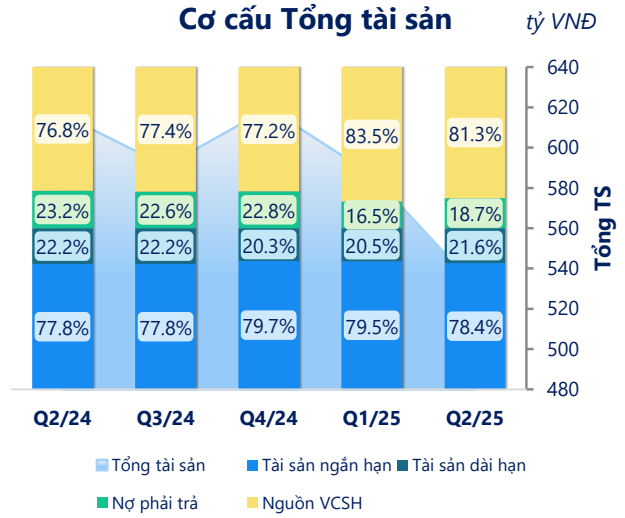

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

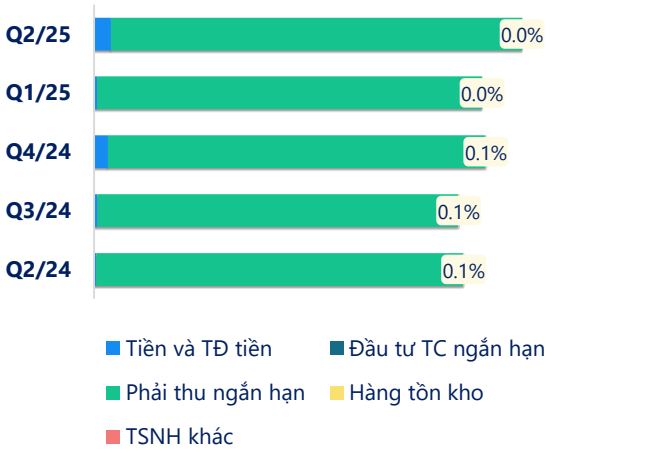

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

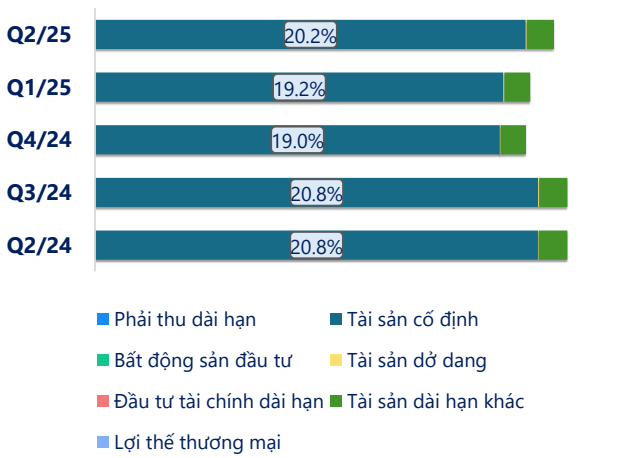

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

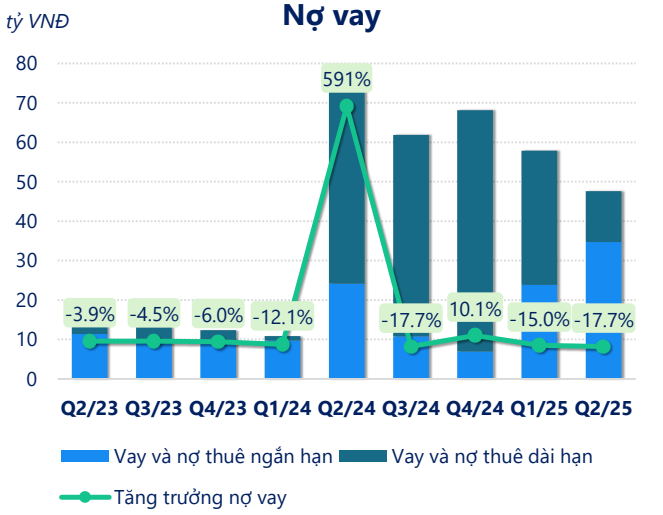

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

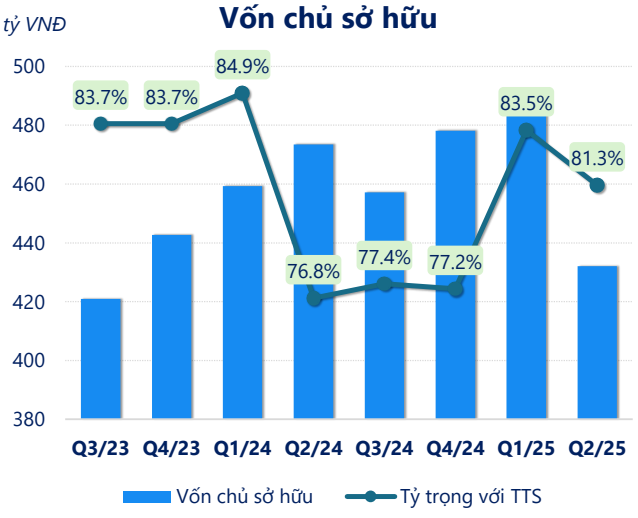

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

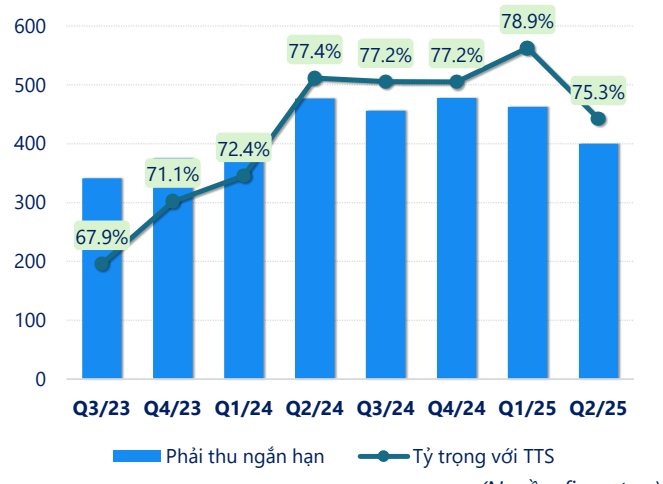

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

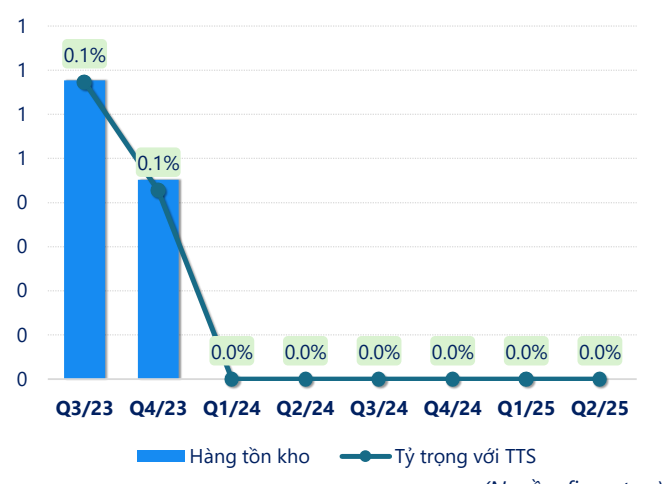

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

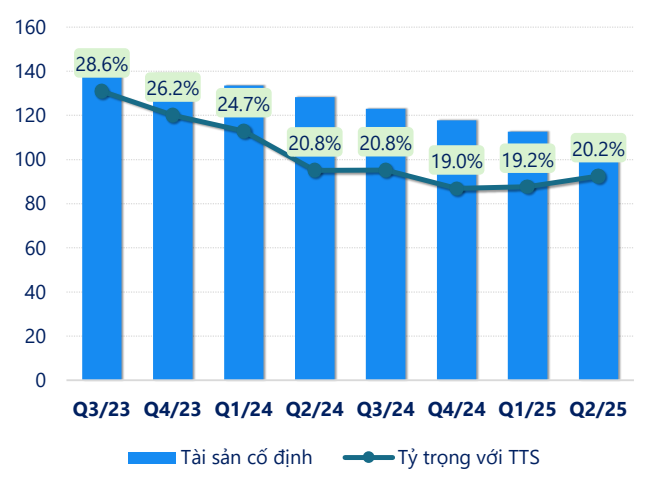

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

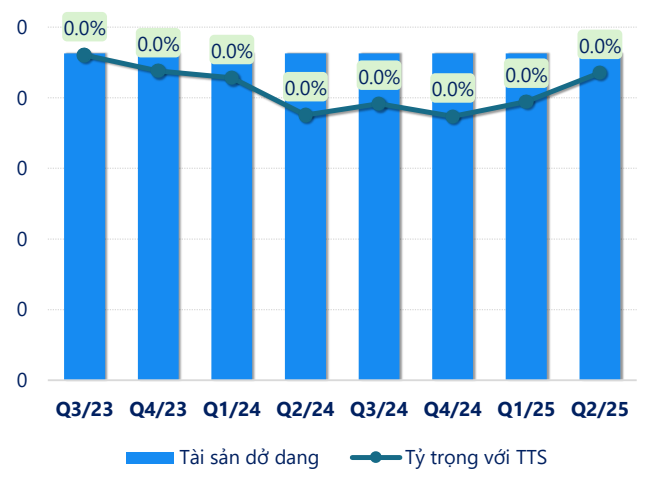

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

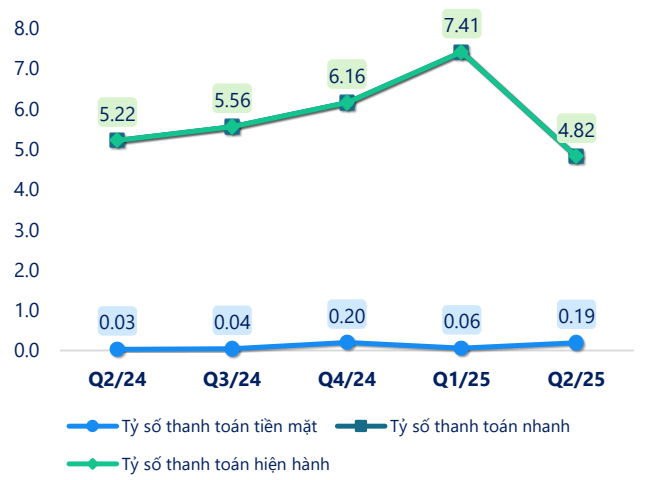

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**616**	**591**	**619**	**587**	**532**
Tài sản ngắn hạn	**480**	**460**	**494**	**467**	**417**
Tiền và tương đương tiền	2.69	3.65	16.0	3.57	16.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	477	456	478	463	400
Hàng tồn kho	0	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.01	0.01	0.23	0.01
Tài sản dài hạn	**137**	**131**	**126**	**120**	**115**
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08
Tài sản cố định	128	123	118	113	108
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.23	0.23	0.23
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.29	7.89	7.40	7.15	6.82
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**143**	**134**	**141**	**96.9**	**99.5**
Nợ ngắn hạn	**91.9**	**82.6**	**80.2**	**62.9**	**86.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.2	10.8	6.90	23.9	34.7
Phải trả người bán ngắn hạn	37.8	39.1	37.8	10.1	10.7
Nợ dài hạn	51.0	51.0	61.2	34.0	12.9
Vay và nợ thuê dài hạn	51.0	51.0	61.2	34.0	12.9
Nguồn vốn chủ sở hữu	**473**	**457**	**478**	**490**	**432**
Vốn chủ sở hữu	**473**	**457**	**478**	**490**	**432**
Vốn điều lệ	186	186	186	186	186
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)